

Bản án số: 69 /2022/DS - PT.  
Ngày 13 tháng 12 năm 2022  
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Tiến Dũng;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hà Giang

Bà Điều Thị Bích Lượ

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành

xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2022/TLPT- DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2022/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố V T, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐ-PT ngày 27/10/2022 và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 01/2022/QĐ-PT ngày 14/11/2022. Thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 02/12/2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1980 và anh Lê Minh H, sinh năm 1979

Địa chỉ: SN 07, ngách 15/28. ngõ 28 M L, tổ 20A, khu A C, phường T C, TP V T, tỉnh Phú Thọ.

Anh H ủy quyền cho chị H (Theo văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 7 năm 2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Lê Minh H: Luật sư Hà Trọng T - Văn phòng luật sư Hà Trọng T và các cộng sự - Thuộc đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

Luật sư Trần Thị Khánh H - Trung tâm tư vấn pháp luật thuộc Hội luật gia tỉnh Nghệ An (Có mặt)

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1968 và chị Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1968

Địa chỉ: SN 08, ngách 11/28. ngõ 28 M L, tổ 20A, khu A C, phường T C, TP V T, tỉnh Phú Thọ.

Anh T ủy quyền cho chị L (Theo văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 12 năm 2020)  
(Chị H và chị L đều có mặt)

*Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:*

Năm 2010, gia đình chị mua của ông bà Trần Tú C và Đặng Thị Q thửa đất số 253 tờ bản đồ 41; địa chỉ: khu A C, phường T C, TP V T, tỉnh Phú Thọ với diện tích đất 129m<sup>2</sup> (thửa đất thuộc quyền sử dụng của bà Phạm Thị H ủy quyền cho Ông C và bà Quyết được quyền sử dụng, giao dịch, chuyển nhượng theo văn bản ủy quyền ngày 23/3/2010)

Năm 2015, gia đình chị làm nhà trên mảnh đất này và để lại đằng sau một phần đất; rộng: 0,6m; dài dọc theo rãnh thoát nước: 9,19m, diện tích: (0,6x9,19=5,514m<sup>2</sup>) để làm rãnh thoát nước. (Phần đất này hiện tại vẫn nằm trong vỉa hè nhà chị). Nhưng nay, gia đình anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Phương L, địa chỉ: số nhà 08, ngách 11/28, ngõ 28 M L, tổ 20A, khu A C, phường T C, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ giáp danh nhà chị đã làm lán và khung giàn sắt trồng cây leo tràn sang cả phần đất rãnh nhà chị. Phần đất này chị để lại không chỉ làm rãnh thoát nước mà còn là đường thoát hiểm khi xảy ra cháy nổ, hỏa hoạn của gia đình chị, đảm bảo an toàn tính mạng cho gia đình chị. Lán và khung giàn cho cây leo của nhà anh T, chị L sẽ làm ẩm tường nhà chị. Khi gia đình chị cần sửa chữa phần sau của nhà (như sơn nhà, sửa ống nước,...) sẽ không thể làm được.

Chị đã làm đơn kiến nghị gửi UBND phường T C, UBND phường T C đã tiến hành hòa giải nhưng không thành công.

Chị làm đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân Thành phố V T đề nghị tòa án buộc anh T, chị L tháo dỡ phần công trình xây dựng trên phần đất nhà chị, trả lại sự công bằng cho gia đình chị, đảm bảo đường thoát hiểm cho gia đình chị khi có cháy nổ xảy ra. Trả lại cho gia đình chị diện tích đất 5,514 m<sup>2</sup>.

*Bị đơn chị Nguyễn Thị Phương L trình bày:*

Năm 1997 gia đình chị có mua lại nhà đất của anh chị V X (đã làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định). Năm 2002, gia đình chị xây dựng nhà kiên cố trên đúng diện tích được cấp phép với diện tích 138,1m<sup>2</sup> do UBND Thành phố V T cấp năm 2003. Năm 2015, gia đình ông bà H H xây nhà kiên cố phía sau nhà tiếp giáp với rãnh nước thải chung. Hai gia đình cách nhau một rãnh nước thải.

Khi xây nhà ông bà H H đã xây lấn ra một phần ba (1/3) rãnh thoát nước. Tháng 4/2020 bà H làm đơn khởi kiện gia đình chị lấn chiếm đất đai của gia đình bà. Gia đình chị không đồng ý với ý kiến này. Còn về phần mái nhựa lợp trên rãnh nước để tránh nước mưa từ trên mái nhà bà H dội xuống do hệ thống thoát nước nhà bà H bị hỏng.

Quan điểm của gia đình chị về việc khởi kiện của nguyên đơn cho rằng gia đình chị lấn chiếm 5,5m<sup>2</sup> đất là không có căn cứ bởi lẽ đất của hai nhà được ngăn cách bởi một rãnh nước chung đã được sử dụng lâu dài. Yêu cầu của gia đình chị: Gia đình anh chị H H sửa chữa lại đường nước thải;

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thẩm định tại chỗ ngày 25/3/2021. Kết quả: Đối với thửa đất số 253, tờ bản đồ số 41, diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng cấp cho hộ chị H anh H là 129m<sup>2</sup>, diện tích đo thực tế là 123,3m<sup>2</sup>.

Đối với thửa đất số 2, tờ bản đồ số 41, diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng cấp cho hộ anh T chị L là  $138,1\text{m}^2$ , diện tích đo thực tế là  $160,7\text{m}^2$ .

Phần diện tích đất đang tranh chấp có diện tích là  $4,6\text{m}^2$  (chiều rộng của rãnh nước là  $0,66\text{m}$ , chiều dài là  $9,28\text{m}$ ). Phía trên diện tích đất tranh chấp có: Phía tường nhà chị H anh H có 02 đường ống nước kéo dài từ mái tầng 4 đến chân rãnh nước và 01 cục nóng điều hoà ngoài bờ tường tầng âm.

P phía bờ tường nhà chị L anh T có 01 cục nóng điều hoà gian bếp tầng 1, phía trên không của phần diện tích đất tranh chấp có mái nhựa khung sắt do nhà chị L T làm từ năm 2015 đến năm 2020 sửa lại kéo dài theo chiều dài của rãnh nước, phần cuối rãnh nước có bức tường xây bao kín rãnh nước có chiều cao  $2,3\text{m}$ .

- Chi phí xem xét thẩm định hết  $9.000.000^d$ . Xác nhận chị H anh H đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

- Tại Biên bản xác minh ngày 13/5/2021 tại UBND phường T C, ông Trần Minh G là cán bộ địa chính cung cấp:

+ Diện tích sử dụng theo hiện trạng thực tế của hộ chị H và anh H (theo chị H và anh H chỉ mốc giới là  $123,3\text{m}^2$ ), diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là  $129,0\text{m}^2$ . Ôp bản đồ địa chính đang lưu trữ lại UBND phường T C thì diện tích hộ chị H anh H đang sử dụng thiếu  $5,7\text{m}^2$ , theo bản đồ vẽ hiện trạng thì phía trước nhà thiếu  $1,1\text{m}^2$ , phía sau nhà thiếu  $4,6\text{m}^2$ . Theo UBND phường T C cung cấp thì diện tích đất thiếu của hộ chị H anh H so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thể do sai số đo đạc, khi cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không tiến hành đo đạc hiện trạng sử dụng đất tại thực địa.

+ Diện tích sử dụng theo hiện trạng thực tế của hộ anh T và chị L (theo chị L anh T chỉ mốc giới là  $170,6\text{m}^2$ ), diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là  $138,1\text{m}^2$ . Ôp bản đồ địa chính đang lưu trữ lại UBND phường T C thì diện tích hộ chị L anh T đang sử dụng thừa  $32,5\text{m}^2$ , theo bản đồ vẽ hiện trạng thì tổng diện tích nhà và sân thừa  $22,6\text{m}^2$  và phía bên phải nhà lấn vào diện tích lối đi chung  $9,9\text{m}^2$ . Theo UBND phường T C cung cấp thì diện tích đất thừa của hộ chị L anh T so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thể do sai số đo đạc, khi cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không tiến hành đo đạc hiện trạng sử dụng đất tại thực địa.

Theo bản đồ địa chính, phần rãnh nước chung giữa hai hộ có chiều rộng trung bình là  $0,63\text{m}$ , chiều dài dọc theo cả hai dãy nhà.

Quan điểm của chính quyền địa phương: Theo bản đồ địa chính năm 1996 đã có phần rãnh nước từ trước khi hộ chị H anh H xây dựng nhà ở. Nay hộ chị H anh H yêu cầu gia đình anh T chị L trả lại diện tích lấn chiếm và tháo dỡ các công trình trên diện tích lấn chiếm, quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị hai hộ cùng tháo dỡ phần tường xây bao quanh đầu rãnh nước, đồng thời gia đình chị L anh T tháo dỡ phần tấm lợp khung sắt trên diện tích phần rãnh nước để trả lại phần không gian chung cho các hộ cùng sử dụng.

Nếu các bên các bên không thoả thuận được thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại buổi hoà giải ngày 07/5/2021 các bên đương sự đã thống nhất được việc gia đình anh T chị L sẽ tháo dỡ toàn bộ phần khung sắt và mái che trên trên rãnh

nước để làm phần thoát nước chung cho các hộ sử dụng. Gia đình chị H anh H sửa lại đường ống nước dọc bờ tường nhà chị H để không làm bắn nước sang nhà anh T chị L.

Chỉ còn phần chi phí thẩm định và án phí dân sự các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau.

\* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2022/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố V T, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 157,158,175, 217, 218 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 26, 39, Điều 150, 157 Bộ luật tố tụng dân sự, Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Lê Minh H yêu cầu anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Phương L tháo dỡ mái nhựa khung sắt do nhà chị L T làm từ năm 2015 đến năm 2020 sửa lại kéo dài theo chiều dài của rãnh nước.

2. Bác 1 phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Lê Minh H yêu cầu anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Phương L trả lại phần diện tích đã lấn chiếm 4,6m<sup>2</sup>.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và các vấn đề khác.

Kháng cáo: Ngày 11/7/2022, chị Nguyễn Thị Thanh H kháng cáo toàn bộ bản án và đề nghị:

+ Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Phương L phải tháo dỡ toàn bộ mái nhựa, khung sắt đã làm lấn sang phần đất của thửa số 253, tờ bản đồ số 41 tại khu A C, phường T C, TP V T, tỉnh Phú Thọ.

+ Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Phương L phải trả phần đất đã lấn chiếm của gia đình chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị Thanh H vẫn giữ nguyên các yêu cầu của mình và không rút đơn khởi kiện, đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Luật sư Hà Trọng T bảo vệ quyền lợi cho chị Nguyễn Thị Thanh H đề nghị HĐXX xem xét:

Thứ nhất: TAND Thành phố V T đã vi phạm Điều 93, 95 Bộ luật TTDS.

Thứ hai: Theo biên bản xác minh ngày 13/5/2021 của TAND Thành phố V T và trích đo hiện trạng ngày 25/3/2021 thì diện tích của hộ anh H, chị H thiếu 5,7m<sup>2</sup>. Từ đó khẳng định rằng một phần lớn diện tích rãnh nước thuộc quyền sử dụng đất của hộ ông Hải, bà H. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh H và buộc gia đình ông T, bà Lan chấm dứt hành vi lấn chiếm rãnh thoát nước và yêu cầu UBND Thành phố V T điều chỉnh diện tích đất của hộ ông Lê Minh H và bà Nguyễn Thị Thanh H.

Luật sư Trần Thị Khánh H đề nghị: Cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng trong việc không giao biên bản theo đúng thời hạn, cụ thể: QĐ hoãn phiên tòa ngày 05/5/2022; QĐ hoãn phiên tòa và Thông báo mở lại phiên tòa ngày 06/6/2022; Đề nghị HĐXX hủy

bản án sơ thẩm số: 16/2022/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố V T, tỉnh Phú Thọ. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, kháng cáo đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh H .

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ; Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1]. Về tố tụng: Kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh H nộp trong hạn luật định, nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh H Hội đồng xét xử nhận định.

[2.1]. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho rằng năm 2015 gia đình chị H làm nhà trên thửa đất này và để lại đất phía đằng sau để làm rãnh thoát nước chung cho xóm (phần diện tích đất này nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình chị). Nhưng hiện tại gia đình anh T và chị L, giáp ranh với nhà chị đã làm lán và khung giàn sắt để trồng cây leo tràn hết cả phần đất rãnh nhà chị. Làm ẩm tường và khi gia đình chị cần sửa chữa nhà sẽ không làm được. Vì vậy, chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình anh T và chị L phải tháo dỡ phần lán xây dựng và khung dàn sang diện tích đất của nhà chị.

[2.2]. Phía bị đơn cho rằng: Hai gia đình cách nhau một rãnh nước thải. Khi xây nhà gia đình anh H chị H đã xây lán ra một phần ba (1/3) rãnh thoát nước. Tháng 4/2020 chị H làm đơn khởi kiện gia đình chị lấn chiếm đất đai của gia đình chị H. Gia đình chị không đồng ý với ý kiến này. Còn về phần mái nhựa lợp trên rãnh nước để tránh nước mưa từ trên mái nhà bà H dội xuống do hệ thống thoát nước nhà bà H bị hỏng.

Như vậy cả hai bên nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có rãnh thoát nước giữa phần đất tiếp giáp hai nhà.

[2.3]. Tuy nhiên cần phải xác định rãnh thoát nước đã có trước khi gia đình nguyên đơn nhận chuyển nhượng và xây dựng nhà ở, trong bản đồ địa chính năm 1996 cũng như trong trích thửa hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn và bị đơn cũng đều thể hiện có rãnh thoát nước chung (chiều rộng của rãnh nước là 0,63m) nhưng thực tế rãnh nước đang sử dụng là 0,66m. Như vậy cần phải xác định diện tích của rãnh nước chung có 1 phần diện tích đất của gia

đình nguyên đơn là 0,03m chiều rộng và kéo dài theo chiều dài thửa đất của nguyên đơn và bị đơn đã làm khung sắt và lớp mái lên phần rãnh nước chung tiếp giáp vào tường của nhà nguyên đơn là không đúng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ cần được chấp nhận 1 phần. Tại phiên tòa sơ thẩm hai bên thừa nhận gia đình chị L đã tháo dỡ phần khung sắt và lớp mái lên phần rãnh nước chung tiếp giáp vào tường của gia đình chị H. Tại biên bản làm việc ngày 04/5/2022 của TAND Thành phố V T cũng thể hiện nội dung này nhưng quyết định trong bản án không xác nhận nội dung này là có phần thiếu sót nên cấp phúc thẩm cần xác nhận nội dung này là phù hợp.

**[2.4].** Theo biên bản làm việc ngày 04/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố V T thì hiện nay phía trên rãnh nước vẫn có bức xây bao kín rãnh nước do nhà chị H và chị L xây. Gia đình nhà chị L và anh T đã làm khung sắt lợp mái tôn và cách tường nhà chị H khoảng 30-31cm phía trên rãnh thoát nước kéo dài hết đất nhà chị L.

Đối với bức xây bao kín rãnh nước do nhà chị H và chị L xây hai bên không có ý kiến gì.

Đối với khung sắt lợp mái tôn và cách tường nhà chị H khoảng 30-31cm phía trên rãnh thoát nước kéo dài hết đất nhà chị L do nhà chị L và anh T làm trên khoảng không sử dụng chung của rãnh thoát nước, không nằm trên phần diện tích đất của nhà chị H anh H và không ảnh hưởng đến việc thoát nước của các hộ sử dụng chung rãnh thoát nước nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu tháo dỡ của nguyên đơn.

**[2.5].** Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại phần diện tích lấn chiếm 4,6m<sup>2</sup> là không có căn cứ bởi thực tế quá trình sử dụng đất của các hộ dân giáp rãnh thoát nước thể hiện có rãnh thoát nước chung giữa đất của gia đình chị H anh H và gia đình chị L, anh T. Theo biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 30/3/2010 khi làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị H cho vợ chồng anh H, chị H thì vẫn thể hiện rãnh nước trên. (Bút lục 150). Ngoài ra, chính quyền địa phương và người sinh sống khu vực này cũng thừa nhận từ trước đến nay có rãnh thoát nước chung trên và các hộ liền kề rãnh thoát nước chung vẫn sử dụng chung rãnh thoát nước này và diện tích đất bị thiếu như nguyên đơn trình bày và theo nhận định trên thì là phần 0,03m chiều rộng và kéo dài theo chiều dài thửa đất nằm ở rãnh thoát nước chung chứ không phải do bị đơn lấn chiếm nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại phần diện tích lấn chiếm là không có căn cứ để chấp nhận.

**[2.6].** Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, HĐXX xét thấy việc gửi chậm các thông báo cho chị H là có vi phạm nhưng không làm thay đổi bản chất của vụ án nên không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm. Luật sư cũng đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, nội dung này đã được phân tích ở trên nên không có căn cứ để chấp nhận.

**[2.7].** Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng pháp luật nên cần giữ nguyên.

[2.8]. Về án phí dân sự phúc thẩm. Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[3] Đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.  
*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Chị Nguyễn Thị Thanh H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2022/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 157,158,175, 217, 218 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 26, 39, Điều 150, 157 Bộ luật tố tụng dân sự, Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Lê Minh H yêu cầu anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Phương L tháo dỡ mái nhựa khung sắt do nhà chị L T làm từ năm 2015 đến năm 2020 sửa lại kéo dài theo chiều dài của rãnh nước.(Xác nhận anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Phương L đã tháo dỡ)

2. Bác 1 phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Lê Minh H yêu cầu anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Phương L trả lại phần diện tích đã lấn chiếm 4,6m<sup>2</sup>.

Tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Lê Minh H phải chịu 4.500.000<sup>d</sup> (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng); buộc bị đơn là anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Phương L phải chịu 4.500.000<sup>d</sup> (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Xác nhận chị H anh H đã nộp số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 9.000.000<sup>d</sup> (Chín triệu đồng), buộc anh T chị L phải thanh toán trả lại cho chị H anh H số tiền 4.500.000<sup>d</sup> (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Lê Minh H phải chịu 345.000đ (Ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, xác nhận đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0001453 ngày 19/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V T, tỉnh Phú Thọ, chị H và anh H còn phải nộp 45.000đ (Bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị đơn là anh

Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Phương L phải chịu 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009484 ngày 13/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS Thành phố V T;
- TAND Thành phố V T ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Tiến Dũng**